

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 275/2025/DS-PT
Ngày 30 – 7 – 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung
Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 170/2025/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh D, sinh năm 1970 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096070016150; cấp ngày: 18/11/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Phương T, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 096065014544; cấp ngày: 18/11/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

2. Bà Trần Kim D1, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 096169007711; cấp ngày: 18/11/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Anh Trần Quang T1, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 096609311182; cấp ngày: 14/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

4. Chị Trần Huyền T2, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 096191002491; cấp ngày: 18/10/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ cư trú: Số A, L, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là Số A, L, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần Phương T, bà Trần Kim D1, anh Trần Quang T1, chị Trần Huyền T2: Anh Nguyễn Vũ N, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Bích T3, sinh năm 1976 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096609311182; cấp ngày: 14/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Lê Minh D trình bày:

Trước đây, ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 có nhờ ông chơi hội dùm, sau đó ông T và bà D1 đã hót hội nhưng không đóng hội chết đầy đủ. Tiếp theo đó, ông T bị chìm ghe biển, ông đã xuất vàng ra cho ông T và bà D1 mượn để sửa chữa, cải tạo ghe biển lại hoạt động. Đến ngày 13/10/2023, hai bên gặp nhau kết toán nợ, ông T và bà D1 đã ký giấy biên nhận nợ cho ông với tổng số tiền gốc là 618.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Ông T, bà D1, anh T1, chị T2 đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông T cho ông, đồng thời ông T và bà D1 ký hợp mua bán tàu cá của ông T cho ông, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Từ khi viết biên nhận nợ vay cho ông đến nay, phía gia đình ông T không trả nợ gốc, cũng không trả lãi cho ông.

Nay ông D khởi kiện yêu cầu ông T, bà D1, chị T2, anh T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông tổng số tiền gốc là 618.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật từ khi viết biên nhận nợ cho đến khi xét xử sơ thẩm. Sau khi ông T, bà D1, chị T2, anh T1 thanh toán xong khoản nợ cho ông thì ông sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy đăng ký tàu cá cho ông T. Ông không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và hợp đồng mua bán tàu cá với ông T, bà D1, anh T1 và chị T2,

- Theo anh Nguyễn Vũ N (là người đại diện của các bị đơn) trình bày:

Trước đây, bà Trần Kim D1 có nhờ bà Phan Bích T3 (vợ ông D) chơi hội dùm cho bà D1, chủ hội là bà N1, không nhớ rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể, loại hội, đây hội, ngày, tháng, năm mở hội. Tuy nhiên, sau khi hót hội, bà D1 còn nợ bà T3 8.000.000 đồng.

Ngày 29/01/2021, bà D1 trực tiếp tham gia hội do bà T3 làm chủ, đây hội gồm 24 chung, loại hội 5.000.000 đồng, bà D1 hốt đầu được 78.000.000 đồng, đóng hội chết lại được 10 kỳ, còn nợ 13 kỳ bằng 65.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2021, bà D1 trực tiếp tham gia hội do bà T3 làm chủ, đây hội gồm 24 chung, loại hội 5.000.000 đồng, bà D1 hốt đầu được 78.000.000 đồng, đóng hội chết lại được 02 kỳ, còn nợ 21 kỳ bằng 105.000.000 đồng. Sau khi hốt chung hội này, bà D1 đã thanh toán xong các khoản nợ trước cho bà T3 với số tiền 66.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng bà D1 còn nợ bà T3 02 chung hội trong 02 đây hội nêu trên với số tiền 170.000.000 đồng và nợ 01 lượng vàng 24K trị giá 50.000.000 đồng. Ngoài ra, bà D1 còn mượn bà T3 229.000.000 đồng để chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp Ngân hàng về để thế chấp lại cho bà T3. Tổng các khoản bà D1, còn nợ bà T3 là 449.000.000 đồng. Ngày 13/10/2023, hai bên gặp nhau chốt nợ, theo đó bà D1 còn nợ bà T3 số tiền gốc nêu trên và lãi phát sinh là 169.000.000 đồng.

Nay bị đơn thống nhất trả cho ông D và bà T3 449.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật; yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông T, bà D1, chị T2, anh T1 với ông D và hợp đồng mua bán tàu cá giữa ông T, bà D1 với ông D.

- Theo bà Phan Bích T3 trình bày:

Bà T3 thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông D. Do đây là tài sản chung của vợ chồng bà và trên giấy tờ đứng tên ông D nên bà đồng ý để ông D đứng ra khởi kiện vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 170/2025/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh D. Buộc ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 có nghĩa vụ trả cho ông D tổng số tiền 812.326.666 đồng (Trong đó, nợ gốc 618.000.000 đồng; nợ lãi 194.326.666 đồng).

Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 13/10/2023 giữa ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1, chị Trần Huyền T2, anh Trần Quang T1 với ông Lê Minh D và hợp đồng mua bán tàu cá cùng ngày 13/10/2023 giữa ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 với ông Lê Minh D.

Buộc ông Lê Minh D và bà Phan Bích T3 trả lại cho ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 317047 cấp cho hộ ông Trần Phương T và Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 160301 ngày 01/7/2016 đứng tên Trần Phương T khi ông T và bà D1 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông D.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/5/2025, ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Chỉ buộc ông T và bà D1 trả cho ông D số tiền nợ là 449.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Vũ Nghĩa L người đại diện của ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Anh N phát biểu: Ông T, bà D1 chỉ nợ ông D và bà T3 số tiền là 449.000.000 đồng tiền vốn, ngoài ra không còn khoản nợ nào khác. Phía ông D, bà T3 không cung cấp được giấy tờ chứng minh ông T, bà D1 nợ số tiền 618.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, bà D1.

Ông D phát biểu: Trình bày của đại diện bị đơn là không có căn cứ.

Bà T3 phát biểu: Căn cứ chứng minh số tiền ông T, bà D1 nợ số tiền 618.000.000 đồng là ông T, bà D1 có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bằng 300.000.000 đồng và hợp đồng mua bán tàu cá bằng 318.000.000 đồng. Đại diện bị đơn cho rằng không có căn cứ là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Lê Minh D khởi kiện yêu cầu ông T và bà D1 thanh toán số tiền nợ gốc 618.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 13/10/2023 và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày lập giấy vay tiền ngày 13/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Anh Nghĩa là người đại diện của ông T và bà D1 cho rằng số tiền nợ gốc mà ông T và bà D1 nợ ông D là 449.000.000 đồng, còn lại tiền lãi là 169.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý thanh toán cho ông D số tiền nợ gốc 449.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, anh N thừa nhận giấy vay tiền ngày 13/10/2023 do ông D cung cấp có tại hồ sơ đúng là của ông T và bà D1, có ông T và bà D1 ký tên. Qua xem xét giấy vay tiền ngày 13/10/2023 có nội dung: Ông T và bà D1 vay của ông D số tiền là 618.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, lãi trả hàng tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Theo giấy vay tiền ngày 13/10/2023 hoàn toàn không thể hiện trong số tiền vay 618.000.000 đồng có bao nhiêu là nợ gốc, bao nhiêu là nợ lãi. Đối với trình bày của anh N cho rằng ông T và bà D1 chỉ nợ khoản tiền gốc của ông D là 449.000.000 đồng, còn lại 169.000.000 đồng là phần nợ lãi, nhưng anh N xác định chỉ nghe bà D1 nói lại, chứ hoàn toàn không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền nợ gốc ông T và bà D1 còn nợ ông D là 618.000.000 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T và bà D1 thanh toán cho ông D số tiền nợ gốc 618.000.000 đồng là có căn cứ..

[3] Về lãi suất, mức lãi suất các bên thỏa thuận 2%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; do đó, cần phải điều

chính lại mức lãi suất mà ông T và bà D1 phải thanh toán cho ông D theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) là phù hợp. Do trong quá trình vay, ông T và bà D1 chưa có thanh toán lãi cho ông D, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T và bà D1 thanh toán lãi cho ông D thời gian tính từ ngày vay 13/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

Như vậy, số tiền lãi ông T và bà D1 phải thanh toán cho ông D là: Thời gian từ ngày 13/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/5/2025 là 01 năm 06 tháng 26 ngày:

618.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm 06 tháng 26 ngày = 194.326.666 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T và bà D1 thanh toán cho ông D là 812.326.666 đồng là có căn cứ.

[4] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T và bà D1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 170/2025/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh D.

Buộc ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 có nghĩa vụ trả cho ông D tổng số tiền nợ gốc và lãi là 812.326.666 đồng (Trong đó, nợ gốc 618.000.000 đồng, nợ lãi 194.326.666 đồng).

Kể từ ngày ông D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông T và bà D1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 13/10/2023 giữa ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1, chị Trần Huyền T2, anh Trần Quang T1 với ông Lê

Minh D và hợp đồng mua bán tàu cá ngày 13/10/2023 giữa ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 với ông Lê Minh D.

Buộc ông Lê Minh D và bà Phan Bích T3 trả lại cho ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 317047 cấp cho hộ ông Trần Phương T và Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 160301 ngày 01/7/2016 đứng tên Trần Phương T khi ông T và bà D1 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông D.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 phải chịu 36.369.000 đồng. Ông Lê Minh D không phải chịu án phí. Ngày 31/12/2024, ông D đã dự nộp 17.821.000 đồng theo biên lai số 0005094 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Phương T và bà Trần Kim D1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 23/5/2025 bà D1, ông T mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai án phí số 0005670, 0005671 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3- Cà Mau;
- Phòng THA dân sự khu vực 3- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập